

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2021

"Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

2. Bà Võ Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long - tỉnh Vinh Long
tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 161/2021/TLST-HN, ngày 19/5/2021, về việc "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K.T, sinh năm 1991 (Có mặt). Địa chỉ: Số 2 đường T, phường A, thành phố V, tỉnh T. Địa chỉ tạm trú: Số 246/17 ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1990 (Có mặt). Địa chỉ: Số 2 đường T, phường A, thành phố V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.T trình bày:

Bà T và ông H tự tìm hiểu nhau được vài tháng thì đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V. Ông bà sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông H không quan tâm chăm sóc gia đình, ông H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường dùng lời lẽ xúc phạm, đánh đập, đe dọa đến tính mạng của bà T. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau và bà cũng không còn tình cảm với ông H, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay cháu do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện tại của bà

T làm kế toán tại Cửa hàng thuốc Thú y Đ, thu nhập bình quân 7.500.000đ/tháng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Tấn H trình bày: Ông và bà T tự tìm hiểu nhau được vài tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên đi làm về trễ, ông H hỏi lý do về trễ thì không trả lời, không chăm sóc con mà giao cho bà nội của cháu trông giữ. Ông H thừa nhận, lúc nóng giận ông có dùng lời lẽ xúc phạm bà T nhưng đó là lúc vợ chồng cãi nhau. Hiện bà T đã dọn ra ngoài ở, không sống cùng ông đến nay đã bốn tháng. Bà T xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung ông H thống nhất lời khai bà T, ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay cháu A do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện tại của ông H làm công nhân tại Công ty Công trình công cộng tỉnh V, thu nhập bình quân 7-8 triệu đồng/tháng đủ để nuôi con.

Tại Tòa, ông H giữ nguyên ý kiến trình bày đồng ý ly hôn. Ông H yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà hợp pháp. Sau khi cưới nhau ông bà cũng có thời gian sống hạnh phúc một thời gian nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn với nhau thì ông bà không hàn gắn được. Tại Tòa bà T trình bày, bà không thể tiếp tục chung sống với ông H vì ông H không thể thay đổi được lối sống của bản thân và hiện tại bà không còn tình cảm với ông H nên không thể tiếp tục chung sống vợ chồng. Về phía ông H cũng thừa nhận có nhiều lần cãi nhau do nóng giận đã nói lời xúc phạm đến bà T gây tổn thương tình cảm vợ chồng, ông H đồng ý ly hôn với bà T vì tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, bà T xác định không còn tình cảm với ông H, cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn, điều này cho thấy đời sống hôn nhân giữa hai bên đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của ông bà đã không đạt thành nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông H theo quy định tại Điều 51 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 08/12/2015. Xét thấy ông H và bà T đều có yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn và đều khai có mức thu nhập ổn định ngang nhau đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung mà không bên nào yêu cầu cấp dưỡng cho con khi được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi ông bà sống ly thân, cháu A được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc con, ông H có thời giờ làm việc bắt đầu

từ 19 giờ hôm trước kết thúc vào khoảng 01 giờ sáng hôm sau mới về nhà, trong khi bà T có thời gian làm việc theo giờ hành chính, tương đồng với thời gian học tập của cháu A nên điều kiện chăm sóc, dạy dỗ cháu sẽ tốt hơn. Ngoài ra, cháu A đang còn nhỏ tuổi và là cháu gái nên cần được nuôi dưỡng chăm sóc trong điều kiện an toàn, có điều kiện đảm bảo cho cháu được phát triển tốt nhất về mọi mặt đời sống tâm sinh lý, việc học hành. Tại phiên hòa giải ngày 14/6/2021, ông H cũng thừa nhận từ khi bà T dọn ra ở riêng và trực tiếp nuôi cháu A thì mỗi lần ông đến thăm đều thấy cháu rất vui vẻ, khỏe mạnh. Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với điều kiện hiện tại. Ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết và phải đảm bảo điều kiện thủ tục theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị K T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị K T và ông Nguyễn Tấn H. Bà T và ông H được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn A, sinh ngày 08/12/2015 là con chung của bà T và ông H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06/5/2021 theo biên lai thu số N₀ 0000219 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục thi hành án DS TPVL;
- **UBND phường A, thành phố V;**
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung